

Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

I. Giới thiệu về gói thầu

1. Phạm vi công việc của gói thầu.

1.1. Tên dự án: Xây dựng Nhà văn hóa thôn Như Học xã Thượng Hồng.

1.2. Tên gói thầu: Gói thầu số 07: Thi công xây dựng, thiết bị.

1.3. Chủ đầu tư: Văn phòng HĐND và UBND xã Thượng Hồng.

1.4. Địa điểm xây dựng: Thôn Như Học, xã Thượng Hồng, thành phố Hải Phòng.

1.5. Nguồn vốn thực hiện: Nguồn vốn ngân sách xã trong kế hoạch đầu tư công trung hạn 2026-2030.

1.6. Mục tiêu dự án:

Việc xây dựng Nhà văn hóa thôn Như Học nhằm phục vụ nhu cầu sinh hoạt văn hóa, hội họp của nhân dân. Góp phần nâng cao đời sống tinh thần, tăng cường đoàn kết cộng đồng và thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ chính trị, xây dựng nông thôn mới nâng cao tại địa phương.

1.7. Quy mô đầu tư xây dựng:

1.7.1. Xây dựng nhà văn hóa:

a. Kiến trúc: Quy mô nhà 01 tầng. Kích thước nhà $26,02 \times 11,02\text{m}$, bao gồm 2 bước gian 4,5m; 4 bước gian 4,2m; nhịp chính là 9m, nhịp hiên là 1,8m; sảnh rộng 2m. Cốt nền nhà cao hơn mặt sân hoàn thiện là 0,75m. Diện tích xây dựng khoảng: $327,66 \text{ m}^2$. Mặt bằng bố trí không gian hội trường 170 chỗ, khu vực sân khấu, phòng chuẩn bị, phòng làm việc, hành lang và sảnh phía ngoài.

- Diện tích xây dựng khoảng: $327,66 \text{ m}^2$,

Gồm 01 khu vực hội trường 170 chỗ kết hợp khu vực sân khấu, 01 phòng chuẩn bị, 02 phòng làm việc, hành lang và sảnh phía ngoài.

- Diện tích khu vực hội trường 170 chỗ: $15,68\text{m} \times 8,78\text{m} = 137,67\text{m}^2$

- Khu vực sân khấu: $5,4\text{m} \times 8,78\text{m} = 47,41 \text{ m}^2$

- Phòng chuẩn bị: $4,28\text{m} \times 1,69\text{m} = 7,23 \text{ m}^2$

- Phòng làm việc: $4,28\text{m} \times 2,93\text{m} = 12,54 \text{ m}^2$

$4,28\text{m} \times 4,73\text{m} = 20,24 \text{ m}^2$

- Sảnh: $9,6\text{m} \times 2,07\text{m} = 19,87 \text{ m}^2$

- Hành lang rộng 1,8m

Vật liệu hoàn thiện: Toàn nhà xây bằng gạch bê tông M10, kích thước $220 \times 105 \times 65$, vữa xi măng mác M75#. Tường trong và ngoài trát VXM mác M75#

dày 15mm, tường ngoài nhà lấn sơn 03 nước, tường trong bả bột bả, lấn sơn 03 nước. Nền lát gạch granite 600×600 màu sáng, ốp gạch chân tường 120×600. Bậc tam cấp sành và bậc sân khấu ốp đá granite tự nhiên. Vách kính, cửa đi và cửa sổ sử dụng nhôm hệ, kính an toàn dày 6,38mm. Nan hoa cửa sổ bằng inox 15×15×1,2. Mái khu vực hội trường vì kèo thép cao 2,4m gác xà gỗ thép hộp, còn lại mái xây tường thu hồi 110 bề trụ 220 cao 2,4m gác xà gỗ hộp, lợp tôn liên doanh dày 0,4ly. Lắp đặt trần thạch cao khung xương chìm khu vực hội trường và sân khấu. Phòng nền sân khấu ốp nan gỗ MDF chống ẩm phủ melamine kích thước 70×20 cách đều 30mm kết hợp p tâm aluminium màu đỏ.

b. Kết cấu:

Phần móng: Giải pháp xử lý móng bằng trên nền đất gia cố cọc tre, cọc tre D60 ÷ D80 dài 2,5m, mật độ 25 cọc/m², lót móng bằng bê tông đá 2×4 mác M150#, tường móng xây gạch bê tông M10.

Phần thân: Kết cấu bê tông cốt thép toàn khối. Bê tông dùng loại B20 (M250#). Dầm chính tiết diện: 220×350, 220×600, 330×600. Cột sử dụng loại diện cột 220×220, 220×300, 330×600. Tường bao che xây gạch bê tông kích thước 220×105×65, vữa xi măng mác M75#.

Phần mái: Mái khu vực sân khấu, sảnh, hành lang, phòng làm việc đồ BTCT cấp bền B20 (M250#) dày 120, xây tường thu hồi 110 bề trụ 220 gạch bê tông M10, KT 220×105×65, VXM M75#, đỉnh tường giằng bê tông cốt thép, gác xà gỗ thép hộp mạ kẽm, lợp tôn liên doanh. Lợp trát trần vữa xi măng mác M75# dày 15. Mái khu vực hội trường dùng hệ vì kèo thép hình.

c. Cấp điện:

+ Nguồn điện cấp tới tủ điện tổng toàn nhà từ mạng khu vực cấp tới, sử dụng cáp ngầm 3 pha Cu/XLPE/DSTA/PVC (4×16)mm² đặt trong ống nhựa xoắn HDPE D60/50

+ Dây điện cấp điện cho ổ cắm là Cu/PVC/pvc (2×2,5) và cấp điện cho đèn, quạt là Cu/PVC/pvc (2×1,5)mm². Cấp điện cấp cho từng phòng sử dụng cáp Cu/XLPE/pvc 2×6mm². Toàn bộ hệ thống điện của nhà đều được nối tiếp địa tới từng thiết bị và ổ cắm, đảm bảo an toàn cấp điện.

d. Hệ thống thoát nước

+ Thoát nước mưa trên mái:

Nước mưa từ mái được thoát theo các ống đứng PVC D90 xuống thoát vào rãnh thoát nước mưa B=300 sau đó thoát ra hệ thống thoát nước toàn bộ khuôn viên.

Phễu thu nước mái bằng gang có lưới chắn rác, ống thoát nước mái bằng nhựa PVC D90

1.7.2. Nhà vệ sinh ngoài trời: Kích thước nhà 4,25m×4,94m, chia 2 bên nam, nữ riêng biệt. Toàn nhà xây bằng gạch bê tông M10, kích thước 220×105×65, vữa xi măng mác M75#. Tường trong và ngoài trát VXM mác M75#, tường trong và ngoài nhà lăn sơn 03 nước. Nền khu vệ sinh lát gạch ceramic chống trơn 400×400, ốp gạch ceramic 400×800 cao 2,4m. Vách kính, cửa đi và cửa sổ sử dụng nhôm hệ, kính an toàn dày 6,38mm. Nan hoa cửa sổ bằng inox 15×15×1,2.

Phần móng nhà vệ sinh xử lý móng bằng trên nền đất tự nhiên, lót móng bằng bê tông đá 2×4 mác M150#, tường móng xây gạch bê tông M10. Nhà sử dụng hệ kết cấu khung chịu lực. Dầm, sàn mái đổ bê tông cốt thép toàn khối.

1.7.3. Rãnh thoát nước:

- Rãnh thoát nước: Xây rãnh thoát nước xung quanh nhà B300 bằng gạch bê tông M10 có nắp đan bê tông. Xây tường 110, VXM mác M75#, bê tông lót móng đá 2×4 mác M150#. Các vị trí phía trước của tòa nhà, rãnh sẽ được đi ngầm đảm bảo mỹ quan chung.

- Xây mới tuyến cống thoát nước D400 thu nước từ rãnh nước xung quanh nhà ra cống thoát nước chung của khu vực. Cống thoát sử dụng cống tròn BTCT D400.

1.7.4. Sân, bồn hoa:

a. Sân

- Xây dựng hệ thống sân bê tông với tổng diện tích khoảng 512 m², kết cấu mặt sân cụ thể như sau:

+ Mặt sân bê tông M200#, đá 1×2 dày 15cm;

+ Lớp cát san nền K95;

+ Nền sân hiện trạng

b. Bồn hoa

- Xây dựng bồn hoa với tổng chiều dài khoảng 110 m. Kết cấu tường bồn hoa xây gạch, ốp gạch thẻ mặt trên và mặt ngoài thành bồn hoa.

1.7.5. Cống, tường rào:

Cống chính rộng 5,4m. Cống 02 cánh mở rộng 4,2m, cánh bằng inox cao 2,4m. Trụ cống 0,6×0,6×3,3, xây bằng gạch bê tông M10, VXM mác 75#, ốp đá granit màu huyết dụ. Trên 02 trụ cống bố trí biển hiệu kích thước 0,9m×5,5m, sử dụng khung xương thép, mặt biển ốp tấm mica bóng màu đỏ, gắn chữ mica dày 10mm (đặc) mặt dán mica màu trắng. Móng cột bằng BTCT.

* Tường rào kết hợp tường rào gạch đặc và tường rào thoáng có lam bê tông 30×100×1,25m. Tường kết hợp phần chân xây tường gạch bê tông M10, VXM mác M75#, lăn sơn 03 nước màu kem. Mỗi 3m lại bố trí 0,33×0,33×2,0m. Tường rào

xây móng gạch.

1.7.6. Thiết bị nội thất: Mua sắm trang thiết bị bàn, ghế cho hội trường.

2. Thời hạn hoàn thành: 120 ngày.

II. Yêu cầu về tiến độ thực hiện

Nêu yêu cầu về thời gian từ khi khởi công đến khi hoàn thành hạng mục công trình/công trình theo ngày/tuần/tháng.

Trường hợp ngoài yêu cầu thời hạn hoàn thành cho toàn bộ công trình còn có yêu cầu tiến độ hoàn thành cho từng hạng mục công trình thì lập bảng yêu cầu tiến độ hoàn thành.

STT	Hạng mục công trình	Ngày bắt đầu	Ngày hoàn thành
1			
2			
3			
...			

III. Yêu cầu về kỹ thuật/chỉ dẫn kỹ thuật

1. Quy chuẩn, tiêu chuẩn áp dụng cho việc thi công, nghiệm thu công trình: Các tiêu chuẩn quy chuẩn hiện hành có liên quan..

2. Yêu cầu về tổ chức kỹ thuật thi công, giám sát;

- Tổ chức kỹ thuật thi công: Nhà thầu phải cử người có đủ năng lực và kinh nghiệm theo đề xuất trong HSDT thường xuyên có mặt tại công trường để quản lý và điều hành thi công công trình đúng yêu cầu kỹ thuật theo hồ sơ thiết kế và các quy trình, quy phạm hiện hành.

- Nhà thầu phải chịu hoàn toàn trách nhiệm về kỹ thuật và giải pháp thi công của mình nhằm đảm bảo tuân thủ đầy đủ và đúng đắn các yêu cầu kỹ thuật quy định và chỉ dẫn của cán bộ giám sát.

- Trong quá trình thi công nhà thầu phải thường xuyên theo dõi và kiểm tra chất lượng thi công. Tất cả các công tác theo dõi và kiểm tra chất lượng tại hiện trường của Nhà thầu phải ghi chép vào sổ nhật ký thi công. Đối với các tài liệu cơ bản, tài liệu thí nghiệm, biên bản nghiệm thu... Nhà thầu phải lập thành hồ sơ lưu giữ cả ở công trường lẫn văn phòng của Nhà thầu để cán bộ giám sát, Chủ đầu tư và bất kỳ

người nào khác được Chủ đầu tư ủy quyền có thể tham khảo và xem xét vào bất kỳ thời gian nào.

- Cán bộ giám sát hoặc Chủ đầu tư có quyền yêu cầu Nhà thầu xử lý, phá bỏ hoặc thi công lại các hạng mục công việc mà kết quả kiểm tra cho thấy không đảm bảo chất lượng theo đúng các yêu cầu kỹ thuật quy định. Trong trường hợp như vậy Nhà thầu phải chịu mọi chi phí liên quan đến việc thi công lại, giám sát, thí nghiệm và các chi phí khác phát sinh từ việc thi công lại của Nhà thầu.

- Quy định kỹ thuật cần yêu cầu rằng tất cả hàng hóa và vật tư được sử dụng trong Công trình đều mới, chưa từng qua sử dụng, thuộc thế hệ mới nhất, đã đưa vào tất cả các cải tiến về thiết kế và vật liệu trừ khi được quy định khác đi trong hợp đồng

* Yêu cầu cụ thể:

Nhà thầu thuyết minh giải pháp kỹ thuật thi công theo nguyên tắc tuân thủ các Tiêu chuẩn Việt Nam (TCVN), Quy chuẩn Việt Nam (QCVN) và các quy định chuyên ngành khác áp dụng cho thi công các hạng mục công trình thuộc gói thầu.

Tuân thủ các quy định về quản lý chất lượng công trình xây dựng theo Nghị định 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng và các quy định hiện hành;

Gói thầu bao gồm nhiều hạng mục công trình có tính chất, quy mô khác nhau. Việc thuyết minh giải pháp kỹ thuật thi công phải được tách riêng theo từng hạng mục, phù hợp với cấp, loại công trình và tiêu chuẩn áp dụng phù hợp với hạng mục công trình đó.

Thuyết minh biện pháp kỹ thuật thi công của nhà thầu phải được căn cứ vào máy móc, thiết bị, công nghệ mà nhà thầu đang dự kiến áp dụng để thi công gói thầu; các tiêu chuẩn, quy chuẩn áp dụng hiện hành và hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công.

Thiết bị thi công dự kiến để thi công công trình phải bảo đảm hoạt động tốt, an toàn, đáp ứng các điều kiện hoạt động, vận hành, lưu thông trên công trường. Tuyệt đối không được sử dụng các máy móc, thiết bị không đủ điều kiện hoạt động, vận hành theo quy định để dự kiến sử dụng để thi công cho công trình.

3. Yêu cầu về chủng loại, chất lượng vật tư, máy móc, thiết bị (kèm theo các tiêu chuẩn về phương pháp thử);

3.1. Yêu cầu chung

Vật tư xây dựng, các thiết bị cung ứng để xây lắp công trình phải đảm bảo chất lượng, quy cách, chủng loại theo đúng yêu cầu của thiết kế được duyệt, khuyến khích các Nhà thầu sử dụng các loại vật liệu được đánh giá là tốt hơn yêu cầu của thiết kế để đưa vào công trình. Nhà thầu phải sử dụng các loại vật tư của các nhà sản xuất có giấy phép sản xuất, có chứng từ chứng minh nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, có đầy đủ các chứng chỉ đảm bảo tiêu chuẩn do cơ quan có chức năng của Việt Nam cấp, sản phẩm đạt chất lượng cao được thừa nhận trên thị trường.

Nhà thầu phải lập bảng kê vật liệu chính dự thầu phải ghi rõ, tên thương hiệu cụ thể của 1 loại vật liệu, thông số kỹ thuật của vật liệu đó và Tiêu chuẩn thí nghiệm, kiểm tra theo TCVN hiện hành, không được ghi nhiều loại hoặc ghi tương đương.

Không được sử dụng các loại sản phẩm có chất lượng không ổn định, công nghệ sản xuất lạc hậu hoặc các sản phẩm không có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng hoặc sản phẩm của các cơ sở gia công nhỏ lẻ, sản lượng thấp, không có đăng ký nhãn hiệu, chất lượng sản phẩm như các loại dây điện, sắt gia công tổ hợp, vật tư nhái nhãn hiệu...

Vật tư đưa vào công trường phải có hóa đơn, chứng từ chứng nhận nguồn gốc xuất xứ, chứng nhận về chất lượng sản phẩm của nhà sản xuất và kết quả thí nghiệm do các phòng thí nghiệm hợp chuẩn thực hiện.

Vật tư, vật liệu, thiết bị trước khi đưa vào công trình phải được sự đồng ý, phê duyệt của Chủ đầu tư bằng văn bản. Trường hợp có sự thay đổi quy cách, chủng loại, xuất xứ vật tư, thiết bị thì phải được sự đồng ý của Chủ đầu tư mới được thực hiện. Sau khi được phép thay đổi thì Nhà thầu phải thử mẫu tại một đơn vị kiểm định có pháp nhân, có năng lực và được Chủ đầu tư chấp thuận. Đưa kết quả thử mẫu cho Chủ đầu tư để Chủ đầu tư xem xét kết luận, chi phí do Nhà thầu chi trả.

3.2. Yêu cầu cụ thể về đặc tính, thông số kỹ thuật, chủng loại một số loại vật tư, thiết bị chủ yếu sử dụng cho công tác xây lắp của gói thầu

a) Yêu cầu đối với vật tư, vật liệu thi công

Bảng liệt kê chi tiết chủng loại vật liệu sử dụng thi công công trình

STT	Tên, nhãn hiệu vật tư	Xuất xứ	Quy cách, thông số kỹ thuật	Tiêu chuẩn
1	Xi măng PCB 40			
2	Cát xây dựng các loại			
3	Đá xây dựng các loại			
4	Thép xây dựng các loại			
5	Ống nhựa và phụ kiện			
6	Sơn lót, sơn trong nhà, ngoài nhà các loại			

STT	Tên, nhãn hiệu vật tư	Xuất xứ	Quy cách, thông số kỹ thuật	Tiêu chuẩn
7	Gạch bê tông			
8	Gạch ốp, lát các loại			
9	Tôn lợp			
10	Dây cáp điện các loại			
11	Thiết bị điện các loại: Aptomat, công tắc, ổ cắm,..			
12	Tủ điện			
13	Đèn Led, đèn downlight các loại			
14	Thiết bị vệ sinh các loại: chậu rửa, cò xít, sen hoa, tiểu nam, van xả tiểu nam, vòi chậu rửa mặt, xí bệt, ...			
15	Cửa đi, cửa sổ, vách kính nhôm hệ			
16	Tấm thạch cao trần			
17	Ống cống BTCT			
18	Và một số vật liệu khác theo hồ sơ thiết kế			

b) Yêu cầu thông số kỹ thuật đối với thiết bị

STT	Tên thiết bị	Thông số kỹ thuật
1	Ghế gỗ hội trường tựa lưng cao GHT11 hoặc tương đương	Khung ghế hoàn toàn bằng gỗ tự nhiên. Mặt ghế và lưng ghế bọc bằng da PVC chất lượng cao. Kiểu dáng: Loại ghế dành cho phòng họp, phòng hội nghị, hội trường.
2	Bàn hội trường cao cấp BHT12DH4V hoặc tương đương	Chất liệu: Khung gỗ tự nhiên Mặt bàn gỗ công nghiệp phủ Veneer. Yếm bàn sắt đất Kiểu dáng: Bàn hội trường, hội nghị

- Nhà thầu cung cấp thiết bị theo đúng thông số kỹ thuật quy định hoặc tương đương hoặc tốt hơn các thiết bị nêu trên (đính kèm bảng so sánh thông số kỹ thuật và tài liệu chứng minh).

- “Tương đương” có nghĩa là có đặc tính kỹ thuật tương tự, có tính năng sử

dụng là tương đương với các thiết bị đã nêu trên.

4. Yêu cầu về trình tự thi công, lắp đặt:

- Nhà thầu phải tuân thủ trình tự thi công lắp đặt từng hạng mục công việc của công trình phù hợp với thiết kế Bản vẽ thi công, bảo đảm an toàn trong quá trình Thi công xây dựng

- Trong bảng tiến độ thi công chi tiết do nhà thầu lập, phải bảo đảm trình tự thi công theo quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng hiện hành.

5. Yêu cầu về phòng, chống cháy, nổ (nếu có) nhà thầu phải có thuyết minh:

- Nhà thầu phải có biện pháp phòng chống cháy nổ đối với kho bãi chứa vật tư, máy móc, thiết bị thi công. Cử cán bộ thường trực bảo đảm công tác an toàn, phòng chống cháy nổ. Bố trí các thiết bị chữa cháy như: thùng cát, bể nước cứu hỏa, máy bơm cứu hỏa, bình xịt khí CO₂, có biển chỉ dẫn tiêu lệnh an toàn phòng cháy chữa cháy đặt ở những vị trí dễ nhìn thấy, dễ quan sát...

- Nhà thầu phải thuyết minh biện pháp hợp lý khả thi và phù hợp với pháp luật chuyên ngành các biện pháp phòng chống cháy nổ đối với các công đoạn công việc trong quá trình thi công xây dựng công trình.

- Nhà thầu phải đề xuất phương án xử lý khi có xảy ra tình huống cháy nổ trên công trường.

6. Yêu cầu về vệ sinh môi trường nhà thầu phải có thuyết minh:

Nhà thầu phải có thuyết minh đảm bảo vệ sinh môi trường trên công trường và trong công tác chuyên chở vật liệu đặc biệt là công tác xử lý rác thải và vận chuyển rác thải theo quy định.

- Đối với khu vực lán trại phải có hệ thống cấp, thoát nước sinh hoạt; hệ thống hầm tự hoại để xử lý các nước thải, chất thải sinh hoạt của công nhân thi công công trình.

- Đối với môi trường khu vực công trình thi công, phải có hệ thống tưới nước hạn chế khói bụi của phương tiện vận chuyển trên công trường.

- Đối với kho bãi chứa vật liệu: những vật liệu là chất lỏng, chất khí có ảnh hưởng nhiều đến môi trường xung quanh phải có biện pháp bảo vệ bảo đảm không gây ô nhiễm môi trường.

- Nhà thầu phải có thuyết minh biện pháp xử lý chất thải rắn phát sinh trong quá trình thi công xây dựng công trình hợp lý, khả thi và đúng quy định của pháp luật về đảm bảo vệ sinh môi trường trong xây dựng.

- Nhà thầu phải thuyết minh biện pháp cụ thể, hợp lý khả thi hạn chế tiếng ồn

trong thi công xây dựng công trình nhằm hạn chế thấp nhất ảnh hưởng đến môi trường xung quanh.

7. Yêu cầu về an toàn lao động nhà thầu phải có thuyết minh:

- Đối với công nhân trên công trường phải có trang bị bảo hộ lao động. Cán bộ công nhân trên công trường phải được tập huấn an toàn lao động.

- Đối với các công việc thi công trên cao nhà thầu phải có thuyết minh biện pháp đảm bảo an toàn khi thi công trên cao hợp lý, khả thi phù hợp với tiêu chuẩn kỹ thuật và quy định hiện hành của pháp luật liên quan.

- Đối với máy móc thiết bị thi công trên công trường phải có biện pháp bảo đảm an toàn máy móc, thiết bị...

- Nhà thầu phải Tổ chức đào tạo, thực hiện và kiểm tra an toàn lao động.

- Nhà thầu phải thuyết minh cụ thể, hợp lý khả thi Biện pháp bảo đảm an toàn lao động cho từng công đoạn thi công.

- Nhà thầu phải thuyết minh Bảo đảm an ninh công trường, quản lý nhân sự, thiết bị.

8. Biện pháp huy động nhân lực và thiết bị phục vụ thi công:

- Nhà thầu có thể thuê mướn nhân công, thiết bị tại địa phương trong quá trình thi công tuy nhiên nhà thầu phải có đội ngũ công nhân thường trực có tay nghề và lực lượng xe máy thiết bị cần thiết đáp ứng theo yêu cầu của E-HSMT để đảm bảo tiến độ thi công.

- Máy móc thiết bị xây dựng công trình: Máy móc thiết bị thi công chủ yếu phải đáp ứng đủ số lượng, chủng loại, tính năng kỹ thuật của thiết bị theo yêu cầu tổ chức thi công công trình theo quy định.

9. Yêu cầu về biện pháp tổ chức thi công tổng thể và các hạng mục:

Nhà thầu phải có thuyết minh biện pháp tổ chức thi công tổng thể và các hạng mục để đảm bảo tiến độ và tính hợp lý trong quá trình sử dụng nhân lực, vật lực trên công trường.

10. Yêu cầu về hệ thống kiểm tra, giám sát chất lượng của nhà thầu:

- Nhà thầu thi công phải có bản thuyết minh các biện pháp bảo đảm chất lượng thi công và phương pháp kiểm tra chất lượng thi công cụ thể, rõ ràng.

- Quản lý chất lượng vật tư: Tiếp nhận, lưu kho, bảo quản.

- Quản lý chất lượng cho từng loại công tác thi công.

- Công tác cung cấp mẫu vật tư, kết quả kiểm nghiệm, bảo dưỡng, nghiệm thu.

- Bảo đảm công tác sửa chữa hư hỏng và bảo hành công trình khi hoàn thành.

11. Các yêu cầu khác

Nhà thầu khi tham dự thầu phải chào giá dự thầu với mức thuế VAT áp dụng là 8%. Cam kết điều chỉnh thuế tại thời điểm thanh toán nếu chính sách về thuế có sự thay đổi (tăng hoặc giảm).

IV. Các bản vẽ

E-HSMT này gồm có các bản vẽ trong danh mục sau đây:

STT	Ký hiệu	Tên bản vẽ	Phiên bản/ngày phát hành
1			
2			
...			